

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng. Cảm ơn các nhà xuất bản, các tác giả và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

1. MAI NGỌC ANH: **An sinh xã hội đối với nông dân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.** Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội – 2010. 311 trang.
2. NGUYỄN THỊ HOA: **Chính sách giảm nghèo ở Việt Nam đến năm 2015.** Nxb Thông tin và Truyền thông. Hà Nội – 2010. 242 trang.
3. NGUYỄN MINH HOÀN: **Công bằng xã hội trong tiến bộ xã hội.** Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội – 2010. 254 trang.
4. NGUYỄN HỮU MINH, ĐẶNG NGUYỄN ANH, VŨ MẠNH LỢI ch.b: **Dân số Việt Nam qua các nghiên cứu xã hội học.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội – 2009. 438 trang.
5. TỔNG CỤC THỐNG KÊ: **Di dân và đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt: Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009.** Nxb Phụ nữ. Hà Nội – 2009. 83 trang.
6. NGUYỄN BÁ NGỌC: **Dịch vụ việc làm trong phát triển kinh doanh ở Việt Nam.** Nxb Hà Nội. Hà Nội – 2009. 226 trang.
7. UNFPA: **Đánh giá chính sách chăm sóc sức khỏe sinh sản cho dân tộc ít người tại Việt Nam.** k. nxb . Hà Nội – 2010. 72 trang.
8. NGÂN HÀNG THẾ GIỚI: **Đánh giá giới tại Việt Nam.** k. nxb. Hà Nội – 2011. 110 trang.
9. NGUYỄN QUANG VINH: **Đi tìm sức sống các quan hệ xã hội: Ghi chép trên những dặm đường khảo sát xã hội học.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội – 2009. 291 trang.
10. LÊ NGỌC VĂN: **Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam: Sách chuyên khảo.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội – 2011. 547 trang.
11. BÙI PHƯƠNG NGA: **Giáo dục nhà trường: Báo cáo chuyên đề.** k. Nxb. Hà Nội – 2010. 43 trang.
12. TỔNG CỤC THỐNG KÊ: **Giáo dục ở Việt Nam: Phân tích các chỉ số chủ yếu: Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009.** k. Nxb. Hà Nội – 2011. 176 trang.
13. LƯƠNG VĂN HY, NGÔ VĂN LỆ, NGUYỄN VĂN TIỆP b.t: **Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam.** Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh – 2010. 665 trang.
14. VŨ MẠNH LỢI: **Hiểu biết và thái độ của vị thành niên Việt Nam về HIV/AIDS và những người có HIV/AIDS: Sức khỏe tâm thần.** K.nxb. Hà Nội – 2010. 32 trang.
15. BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: **Xu hướng việc làm Việt Nam 2010.** k. nxb . Hà Nội – 2010. 57 trang.

16. HOÀNG CHÍ BẢO ch.b: **Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới**. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội – 2010. 651 trang.
17. PHẠM VĂN SÁNG, NGÔ VĂN MINH, BUI VĂN HUYỀN: **Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội: Phân tích thực tiễn ở Đồng Nai**: Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội – 2009. 387 trang.
18. NGUYỄN QUỐC HÙNG: **Một số vấn đề về ô nhiễm và suy thoái đất đai ở Việt Nam hiện nay**. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội - 2010. 210 trang.
19. ĐINH THỊ THÚY HẰNG ch.b: **Ngành PR tại Việt Nam**. Nxb Lao động Xã hội. Hà Nội – 2010. 208 trang.
20. BUI TRƯỜNG GIANG ch.b: **Nhận thức và trách nhiệm của tuổi trẻ các cơ quan Trung ương với đại dịch HIV/AIDS tại Việt Nam**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội – 2010. 286 trang.
21. MARK J. PENN. E. KINNEY ZALESNE, BẢO BÌNH, QUỲNH NGA, HÀ TRANG d. **Những trào lưu mới trong xã hội Mỹ**. Nxb Thế giới. Hà Nội – 2009. 583 trang.
22. TRẦN ĐỨC CƯỜNG ch.b: **Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội – 2010. 490 trang.
23. DOÃN HÙNG ch.b: **Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội cùng Tây Nam Bộ: Một số vấn đề thực tiễn**. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội - 2010. 302 trang.
24. VIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG NAM BỘ: **Phụ nữ Việt Nam trong bối cảnh biến đổi xã hội nhanh**. K.nxb. Hà Nội – 2011. 396 trang.
25. BUI THẾ CƯỜNG ch.b: **Phương pháp nghiên cứu xã hội và lịch sử: Giáo trình môn học “Phương pháp luận nghiên cứu xã hội”**. Chương trình đào tạo sau đại học liên ngành khoa học xã hội. Nxb Từ điển Bách khoa. Hà Nội – 2010. 411 trang.

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

Tên luận án: **Ly hôn ở Việt Nam hiện nay: Quy mô, xu hướng và các yếu tố tác động (Divorce in Contemporary Vietnam: Prevalence, Patterns and Effects)**

Họ và tên nghiên cứu sinh: **TRẦN THỊ MINH THỊ**

Người hướng dẫn: **GS.TS. Emiko Ochiai, Khoa Xã hội học, Đại học Tổng hợp Kyoto; PGS.TS. Nguyễn Hữu Minh, Viện Gia đình và Giới**

Cơ sở đào tạo: **Khoa Xã hội học, Đại học Tổng hợp Kyoto, Nhật Bản**

Thời gian thực hiện: **2008-2012**

Trong những thập niên vừa qua, gia đình và hôn nhân ở Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình truyền thống sang hiện đại. Các đặc trưng của mô hình truyền

thông, như hôn nhân sắp đặt, bất bình đẳng giới, gia trưởng... dưới ảnh hưởng của Nho giáo đang giảm dần. Một số mô hình hiện đại của hôn nhân và gia đình như sống chung trước hôn nhân, có ít con, làm mẹ đơn thân... đang hình thành hoặc trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ

Trước đây, ly hôn chịu định kiến xã hội rất khắt khe. Những năm gần đây, ly hôn đang tăng lên với những thay đổi lớn về nguyên nhân, đặc điểm và hậu quả. Tuy nhiên, có rất ít nghiên cứu định lượng dựa trên những phân tích thống kê nhóm ly hôn để tìm hiểu về mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội nhân khẩu và ly hôn, cũng như mô tả quy mô, tính chất của ly hôn, được thực hiện. Sử dụng số liệu có sẵn, bao gồm Census Việt Nam 1989, 1999, và 2009, thống kê hôn nhân gia đình hàng năm của Tòa án Nhân dân tối cao, và đặc biệt là hồ sơ ly hôn của những người ly hôn từ 2000-2010 của hai quận huyện đồng bằng sông Hồng (tổng cộng 2033 trường hợp, trong đó, có 499 cặp ly hôn ở một huyện nông thôn tỉnh Hà Nam, và 1534 cặp ly hôn của một quận nội thành Hà Nội); luận án này nhằm phân tích quy mô, xu hướng, đặc điểm và tính chất của những người ly hôn trong thời gian 10 năm qua. Luận án phân tích các lý do khác nhau của ly hôn trong tương quan với các yếu tố cấu trúc như giới, đặc điểm văn hóa nhân khẩu (như khác biệt nông thôn-đô thị, mức sống, mô hình chung sống trước ly hôn), các yếu tố chu trình sống (năm sinh, tuổi kết hôn, độ dài hôn nhân, tuổi ly hôn, có con...) cũng như các yếu tố kinh tế xã hội của người ly hôn (như trình độ học vấn, mức sống...). Bên cạnh đó, luận án cũng phân tích một số tác động của ly hôn về phân chia tài sản, phân chia con cái, khả năng tái hòa nhập xã hội, khả năng tái hôn của các cặp ly hôn.

Ngoài bộ số liệu định lượng gồm 2033 trường hợp, nghiên cứu này cũng thực hiện nghiên cứu định tính, cụ thể là phân tích lịch sử cuộc sống của 21 người ly hôn, cả nam giới và nữ giới, ở hai quận huyện được lựa chọn. Phân tích này nhằm tìm hiểu thông tin về hoàn cảnh gia đình, kí ức tuổi thơ, quá trình lựa chọn bạn đời, kí ức về đám cưới, về sự ra đời của những đứa con, mô hình sống sau hôn nhân, các mốc xung đột hôn nhân, quá trình ly hôn, ra quyết định ly hôn, và những hệ quả ly hôn về con cái, về tâm lý, về tình trạng kinh tế, về khả năng và mong muốn tái hôn, về quan hệ giữa con cái và cha mẹ sau ly hôn...

Qua nghiên cứu này, tác giả mong muốn đóng góp vào những nghiên cứu về hôn nhân và gia đình ở Việt Nam hiện nay một chủ đề còn ít nghiên cứu có quy mô là ly hôn; đồng thời, đặt nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam trong một thảo luận mang tính quốc tế với các nước châu Á khác, nhất là những nước có bối cảnh văn hóa tương đồng.

Luận án bao gồm 97,214 từ, 245 trang, được chia thành 9 chương, như sau:

Chương 1: Hôn nhân và gia đình Việt Nam: một tiếp cận lịch sử. Chương này bàn về những đặc điểm cơ bản của hôn nhân và gia đình Việt Nam từ mô hình truyền thống đến mô hình hiện đại

Chương 2: Các tiếp cận lý thuyết. Chương này trình bày những lý thuyết và tiếp cận được sử dụng trong luận án, bao gồm: lý thuyết bình đẳng giới, lý thuyết hiện đại hóa, và những tổng quan những nghiên cứu trên thế giới về các yếu tố kinh tế xã hội, văn hóa, nhân khẩu, chu trình sống của ly hôn

Chương 3: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Chương này trình bày giả thuyết nghiên cứu về quy mô, đặc điểm, và tác động của ly hôn. Chương cũng cung cấp khung làm việc thể hiện mối quan hệ giữa hệ biến độc lập và biến phụ thuộc dưới tác động của bối cảnh xã hội và các chủ thể quyền lực. Nguồn số liệu, phương pháp phân tích, các biến số cũng được trình bày trong chương này.

Chương 4: Quy mô và đặc điểm của ly hôn. Chương này mô tả số các vụ ly hôn, tỷ lệ ly hôn, sơ đồ quy trình ly hôn, các đặc điểm cơ bản của người ly hôn về tuổi ly hôn, tuổi kết hôn, mức sống, mô hình chung sống trước ly hôn, số con, giới tính của con trong thời gian 10 năm (2000-2010) và trong tương quan với các biến số cấu trúc xã hội.

Chương 5: Độ dài hôn nhân của những người ly hôn. Chương này mô tả độ dài hôn nhân của những người ly hôn trong tương quan với các biến số về nhân khẩu, văn hóa, kinh tế, chu trình sống... để tìm hiểu những khác biệt về độ dài hôn nhân của những người ly hôn thuộc các

nhóm xã hội nhân khẩu khác nhau.

Chương 6: Người đứng đơn ly hôn và các yếu tố tác động. Trong chương này, người chủ động ly hôn (vợ hoặc chồng) là biến số phụ thuộc để tìm hiểu những khác biệt về cấu trúc xã hội-nhân khẩu của những yếu tố ảnh hưởng đến việc ai là người viết đơn xin ly hôn.

Chương 7: Các nguyên nhân ly hôn và các yếu tố tác động. Những khác biệt xã hội và cấu trúc được phân tích cho từng lý do ly hôn, bao gồm, khác biệt lối sống/không hợp nhau, bạo lực gia đình, ngoại tình, khó khăn kinh tế, nghiện ngập, không con. Chương này cho thấy những đặc điểm của mô hình ly hôn truyền thống, sự hình thành ngày một mạnh lên của mô hình ly hôn hiện đại, cũng như mô hình ly hôn đang trong quá trình chuyển đổi.

Chương 8: Phân chia tài sản và con cái sau ly hôn. Chương này tìm hiểu xu hướng và mô hình phân chia con cái, nhà ở, tài sản sau ly hôn và những khác biệt giữa các nhóm xã hội-nhân khẩu về các xu hướng và mô hình này. Chương này cũng phân tích những khía cạnh tâm lý sau ly hôn, vai trò của gia đình và dòng họ, khả năng tái hôn của những người ly hôn, nhất là phụ nữ

Chương 9: Kết luận và thảo luận. Chương này tổng hợp những phát hiện chính (bao gồm 12 phát hiện quan trọng) từ các chương trước và thảo luận về quá trình chuyển đổi từ ly hôn kiểu truyền thống sang ly hôn kiểu hiện đại trong bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa Việt Nam hiện nay.

Luận án được viết bằng tiếng Anh, bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án liên ngành, Đại học Tổng hợp Kyoto vào tháng 10/2012. Luận án hoàn thiện được Hội đồng giáo sư khoa Xã hội học, Đại học Tổng hợp Kyoto thông qua tháng 12/2012. Luận án được in và nộp chính thức tại Đại học Tổng hợp Kyoto vào tháng 12/2012. Độc giả có quan tâm đến chủ đề này xin liên hệ Thư viện Khoa Xã hội học, Đại học Tổng hợp Kyoto, Thư viện Đại học Tổng hợp Kyoto, Thư viện Viện Xã hội học-Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam hoặc TS. Trần Thị Minh Thi (tranminhthi@ios.org.vn).

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

Để nâng cao chất lượng và hình thức Tạp chí phù hợp với thông lệ khoa học quốc tế, Tạp chí Xã hội học đề nghị các cộng tác viên gửi bài theo thẻ lệ sau đây:

1. Bài đăng trên tạp chí xã hội học phải chưa từng được đăng trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài gửi đăng được đánh máy vi tính trên giấy khổ A4, sử dụng phần mềm MS Word 2003 hoặc mới hơn, phông chữ Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 14, cách dòng 16 pt, cách đoạn 6 pt; riêng danh mục **Tài liệu trích dẫn** ở cuối bài có cách đoạn 0 pt.
3. Mỗi bài gửi cho Toà soạn gồm 1 bản in và 1 bản điện tử, không quá 15 trang (kể cả mục **Tài liệu trích dẫn**) và bản tóm tắt nội dung không quá 10 dòng.
4. Nếu bài viết được chia thành nhiều mục và tiểu mục, cần đánh máy theo thứ tự: 1, 2; 1.1, 1.2; 1.1.1, 1.1.2; vân vân. Tên mục và tiểu mục cần ngắn gọn, không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Không dùng chữ in hoa cho tên bài hay bất cứ tiểu mục nào.
6. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên đã được Việt hóa (như Trung Quốc, Thái Lan,..).

7. Đối với những đoạn trích dẫn nguyên văn ngắn dưới 3 dòng mà nằm trong một câu của tác giả, để đoạn trích trong ngoặc kép, phía trước và sau ngoặc kép liền với câu của tác giả, cuối câu có mở ngoặc đơn trích nguồn (hoặc từ phỏng vấn nào).
8. Đối với những đoạn trích nguyên văn dài 3 dòng trở lên, cần xuống dòng, thụt lề 1,5cm, viết đoạn trích không trong ngoặc kép, kiểu chữ nghiêng; sau đó xuống dòng, ghi nguồn trong ngoặc đơn, xuống dòng và không thụt lề so với phần bài chính, viết tiếp bài viết.
9. Trích dẫn ý, số liệu, hoặc tác giả **trong bài viết** cần nêu rõ nguồn để trong ngoặc đơn. Việc nêu nguồn trích như đề cập ở mục 6, 7, 8 của hướng dẫn này được làm theo hình thức:

- Nếu tác giả là người có tên theo văn hóa Việt Nam hoặc đã được phiên âm sang tên theo văn hóa Việt Nam: (Họ tên tác giả, năm xuất bản: số trang); ví dụ: (Nguyễn Văn Minh, 2001: 68), hoặc: (Lý Quang Diệu, 1999: 7);
- Nếu tác giả là người có tên nước ngoài, trích dẫn theo họ tác giả đã được phiên âm sang tiếng Anh: (Họ tác giả, năm xuất bản: số trang); ví dụ: (Durkheim, 2000: 23);

Việc trích nguồn từ sách, bài của hai tác giả trở lên, được thực hiện như sau:

- Nếu tác giả đầu tiên là người có tên theo văn hóa Việt Nam: (Họ tên tác giả đầu tiên và cộng sự, năm xuất bản: số trang); ví dụ: (Nguyễn Văn Minh và cộng sự, 1999: 5);
 - Nếu tác giả đầu tiên là người có tên nước ngoài, trích dẫn theo họ tác giả đã được phiên âm sang tiếng Anh: (Họ tác giả đầu tiên và cộng sự, năm xuất bản: số trang); ví dụ: (Dudley và cộng sự, 2006: 30);
- Trong các thí dụ nêu trên, nếu là trích dẫn ý lớn của cả công trình thì không cần nêu số trang.
- Nếu trích cùng một ý từ nhiều công trình khác nhau thì liệt kê lần lượt từng công trình trong ngoặc đơn, cách nhau bằng dấu ";", ví dụ: (Dudley và cộng sự, 2006; Nguyễn Văn Minh và cộng sự, 1999; Lý Quang Diệu, 1999);
 - Nếu đã nêu tên tác giả trong phần chính của câu thì cuối câu chỉ cần mở ngoặc đơn ghi năm và số trang có ý đã trích; ví dụ: "Kết quả định tính cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu định lượng của Nguyễn Văn Việt (2004: 11)".
 - Nếu trích dẫn theo bản dịch có năm dịch khác năm công bố bản gốc, thì nêu năm của bản gốc, theo sau bằng "bản dịch 19..."; ví dụ: (Boudrillard, 1970, bản dịch 1979: 110-111).
 - Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục **Tài liệu trích dẫn** của luận án; ví dụ: (trích theo Boudrillard, 1970, bản dịch 1979: 110-111).
 - Một tác giả có nhiều ấn phẩm công bố trong cùng một năm thì người trích dẫn cần thêm các con chữ a, b, c,..., vào ngay sau năm công bố để dễ phân biệt. Ví dụ: (Nguyễn Văn Vịnh, 2010a: 7), (Nguyễn Văn Vịnh, 2010b: 15). Tài liệu nêu trong mục **Tài liệu trích dẫn** ở cuối bài cũng phải thêm chữ cái tương ứng.
10. Nếu có trích dẫn trong bài thì cuối bài phải có mục **Tài liệu trích dẫn**. Không sử dụng từ "Tài liệu tham khảo" cho mục này để tránh nhầm lẫn những tài liệu có được tham khảo nhưng không được trích dẫn. Lưu ý là mục **Tài liệu trích dẫn** không được có thêm tài liệu nào khác ngoài những tài liệu đã trích dẫn trong bài. **Tài liệu trích dẫn** phải có thông

tin chi tiết về nguồn thông tin theo hình thức sau:

10.1. Thứ tự các tài liệu trong mục **Tài liệu trích dẫn** ở cuối bài được quy định như sau:

- Tài liệu trích dẫn **không đánh số thứ tự**, dòng đầu tiên viết ngay từ đầu dòng, nếu cần hơn 1 dòng thì từ dòng thứ hai thụt lề như thí dụ dưới đây (sử dụng hanging indent trong MS Word 2003 hoặc 2007):

Trịnh Duy Luân. 2008. Biến đổi tâm lý--xã hội của cộng đồng dân cư đô thị dưới tác động của đô thị hoá. *Tạp chí Xã hội học*, số 1, 3-10.

- Các tài liệu trích dẫn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt có bổ sung các chữ cái tiếng Anh mà tiếng Việt không có, như chữ "j" sau chữ "i", chữ "w" sau chữ "v", chữ "z" sau chữ "y".
- Với tác giả là người hoặc tổ chức có tên theo văn hóa Việt Nam hoặc đã được phiên âm sang tên theo văn hóa Việt Nam: sắp xếp thứ tự theo bảng chữ cái theo tên tác giả hoặc tên tổ chức;
- Với tác giả là người hoặc tổ chức có tên tiếng Anh: sắp xếp thứ tự theo bảng chữ cái theo họ tác giả hoặc tên tổ chức;
- Nếu là tài liệu không phải tiếng Việt hoặc Tiếng Anh thì sắp xếp thứ tự theo họ tác giả hoặc tên tổ chức đã được phiên âm sang tiếng Anh;
- Nếu Tài liệu trích dẫn có cả tài liệu của các tác giả có tên theo văn hóa Việt Nam và tài liệu có tên theo tiếng nước ngoài thì tất cả tài liệu có tên theo văn hóa Việt Nam đã được sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái để trước, sau đó là các tài liệu có tên theo tiếng nước ngoài đã được sắp xếp theo thứ tự của bảng chữ cái;
- Nếu một tác giả có nhiều công trình in ấn trong nhiều thời điểm khác nhau được trích dẫn thì ở danh mục **Tài liệu trích dẫn** cần sắp xếp theo thứ tự thời gian: ấn phẩm công bố trước thì xếp trước;
- Nếu một tác giả vừa viết riêng vừa viết chung với các tác giả khác thì xếp những công trình viết riêng trước, còn viết chung đặt ở sau, công trình ít đồng tác giả đặt trước công trình nhiều đồng tác giả.

10.2. Cách trình bày **Tài liệu trích dẫn** được quy định như sau:

- Nếu là sách, ví dụ:

Trịnh Duy Luân. 2004. *Xã hội học Đô thị*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Hyde, S. Janet. 2003. *Understanding Human Sexuality*. McGraw Hill Book Company. New York.

- Nếu là bài đăng trong một cuốn sách, ví dụ :

Vũ Mạnh Lợi. 2004. Hệ thống y tế và bảo vệ sức khỏe. Trong sách *Dân số và phát triển ở Việt Nam*, Chủ biên: Patrick Gubry, Nguyễn Hữu Dũng, và Phạm Thùy Hương, NXB Thế giới, Hà Nội, 151-181.

- Nếu là bài đăng trên tạp chí, ví dụ:

Trịnh Duy Luân. 2008. Biến đổi tâm lý--xã hội của cộng đồng dân cư đô thị dưới tác động của đô thị hoá. *Tạp chí Xã hội học*, số 1, 3-10.

- Nếu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo hoặc bài tham dự hội thảo, ví dụ:

Đỗ Thiên Kính. 2011. Hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Hội thảo Khoa học công bố kết quả Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Viện Xã hội học (2009-2010)*, Viện Xã hội học, Hà nội, ngày 22-23 tháng 3 năm 2011.

- Nếu là bài đăng trên Internet, ví dụ:

Phạm Vĩnh Hà. 2008. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tại Châu Á. Truy cập từ

http://www.vass.gov.vn/tintuc/tin_htqt/mlnews.2008-11-05.4663750013/view
(truy cập ngày 23 tháng 3 năm 2009).

11. Đánh số các bảng riêng, đánh số các biểu (sơ đồ) riêng, đánh số các hộp riêng. Ví dụ Bảng 1, Bảng 2, Biểu 1, Bảng 3, Hộp 1, Biểu 2, Bảng 4, Hộp 2, v.v...
12. Cuối bài cần ghi rõ họ và tên tác giả, chức danh khoa học, học vị, tên cơ quan và địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email để tòa soạn tiện liên hệ. Nêu rõ có muốn Tạp chí Xã hội học in thông tin này kèm theo bài gửi đăng hay không.
13. Đối với bài không được sử dụng, tòa soạn không trả lại bản thảo.
14. Bài viết gửi về địa chỉ:

Tòa soạn Tạp chí Xã hội học
Số 1 Liễu Giai, Hà Nội
Điện thoại: 04. 62730461
Email: tapchixahoihoc@ios.org.vn